

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 - 06 - 2025  
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đào Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Nam Văn và ông Hoàng Văn Cường.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Bùi Thị Khánh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** chị Nguyễn Thùy T, sinh năm 1999; địa chỉ: Số D, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Văn B; địa chỉ: B Chung cư T, xã Đ, huyện H, Thành phố Hà Nội; công tác tại Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Vắng mặt.

***2. Bị đơn:*** anh Vũ Tiến T1, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1.** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Tiến T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/05/2023, tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cãi nhau về kinh tế trong gia đình mà không tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống mệt mỏi, tâm lý cảm thấy nặng nề nên vợ chồng đã ly thân. Chị đã cố gắng thay đổi để hòa hợp, cảm

thông cho anh T1 nhưng tình cảm vẫn không hàn gắn được. Ngày 13/02/2025, anh T1 đã tự ý bế con về quê tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh hóa. Nay cuộc sống vợ chồng đã rơi vào bế tắc, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T1.

Về con chung: chị và anh Vũ Tiến T1 có một con chung là Vũ Nguyễn Tiến K, sinh ngày 23/08/2023. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành; yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 05/05/2025, Bị đơn là anh Vũ Tiến T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thùy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/05/2023, tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 14/02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn về đời sống hôn nhân nên anh đã về quê. Đến ngày 24/03/2025, anh nhận được đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo của chị T về việc giải quyết ly hôn. Trên thực tế, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ và đã giải quyết được nên anh không có ý kiến gì và chỉ mong vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thùy T có một con chung là Vũ Nguyễn Tiến K, sinh ngày 23/08/2023, hiện nay đang được chị T chăm sóc. Do vợ chồng anh về đoàn tụ nên anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Theo kết quả xác minh ngày 23/04/2025 về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự trong vụ án, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xác định: không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là gì nhưng hiện nay anh T1 và chị T không ở với nhau.

4. Theo kết quả xác minh ngày 26/04/2025 về nơi cư trú của Bị đơn là anh Vũ Tiến T1, có xác nhận của Công an xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xác định: anh Vũ Tiến T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cùng với bố mẹ đẻ; anh T1 không có đăng ký tạm trú ở nơi khác.

5. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho các đương sự về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, các đương sự không có mặt, Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án.

6. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn tham gia phiên tòa nhưng các đương sự và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đều vắng mặt do các đương sự và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đều có đơn giải quyết

vắng mặt.

7. Tại Bản luận cứ, quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề ngày 21/05/2025, Luật sư Lê Văn B đề nghị:

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/QN-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về việc hôn nhân gia đình”; các điều 28, 35, 39, 147, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận và cho Nguyên đơn được ly hôn với Bị đơn;

- Giao cho Nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Nguyễn Tiên K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi yêu cầu về việc nuôi con của các đương sự hoặc theo quy định của pháp luật.

- Quyết định việc chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

8. Tại Đơn sửa đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/05/2025, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu Bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

9. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thùy T và cho chị T được ly hôn với anh Vũ Tiến T1;

- Về con chung: giao cháu Vũ Nguyễn Tiên K, sinh ngày 23/8/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: đình chỉ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thùy T về việc yêu cầu anh Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mà chị T đã rút.

- Về tài sản, công nợ: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn Bị đơn là anh Vũ Tiến T1; Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thùy T và anh Vũ Tiến T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh T1 đều thừa nhận, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh T1 đã về quê sinh sống tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa dẫn đến vợ chồng không chung sống với nhau, phù hợp với kết quả xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự trong vụ án.

Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp...*”. Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng mà anh T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân dẫn đến chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh T1 vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, thể hiện việc không có thiện chí mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thùy T và anh Vũ Tiến T1 đều thừa nhận vợ chồng có một con chung, cháu là Vũ Nguyễn Tiến K, sinh ngày 23/08/2023. Hiện nay, cháu K đang ở cùng với chị T, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập đủ điều kiện để nuôi con.

Xét thấy, cháu K hiện đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với

khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo Đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thùy T yêu cầu anh Vũ Tiến T1 cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, chị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là tự nguyện nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà chị T đã rút theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thùy T và anh Vũ Tiến T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thùy T là Nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

[4]. Xét quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn của Luật sư: quan điểm bảo vệ của Luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:**

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thùy T được ly hôn anh Vũ Tiến T1.

*1.2. Về con chung:* công nhận cháu Vũ Nguyễn Tiến K, sinh ngày 23/08/2023 là con chung của chị Nguyễn Thùy T và anh Vũ Tiến T1. Giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

*1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:* đình chỉ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thùy T về việc yêu cầu anh Vũ Tiến T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mà chị T đã rút. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**2. Án phí:** chị Nguyễn Thùy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án

phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003418 ngày 11/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

**3. Quyền kháng cáo:** các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Văn Nam**